TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HSST
Ngày: 17/9/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận;
Ông Trần Đức Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 78/2022/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2022/ QĐXXST – HS ngày 09 tháng 9 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nông Văn T, sinh năm 1979, tai tỉnh Cao Bằng.

Chứng minh nhân dân số 285562xxx cấp ngày 28/10/2011 nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L và bà Hoàng Thị Đ; bị cáo có vợ và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004 và nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày xx/5/2022 cho đến nay.

2. Nông Văn Đ, sinh năm 1985, tại tỉnh Cao Bằng.

Chứng minh nhân dân số: 285061xxx cấp ngày xx/4/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H và bà Nông Thị L; Bị cáo có vợ và hai người con, lớn sinh năm 2004; nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày xx/6/2021, bị Chủ tịch UBND xã Đ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày xx/5/2022 cho đến nay.

- *Người làm chứng:* Doanh Đức L, sinh năm 1980, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nông Văn T:* Luật sư Lê Văn N – Văn phòng luật sư Xuân N - Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 26/4/2022, Nông Văn T đi nhờ xe người đi đường từ thôn 3, xã Đường 10, huyện Bù Đăng đến "Làng Mông" thuộc xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông gặp và mua 1.500.000 đồng ma túy của một người dân tộc Mông (không rõ nhân thân, lý lịch). Sau khi mua được ma túy, T mang về chia ra và bỏ vào 08 đoạn ống hút nhựa (loại ống hút nước) hàn kín hai đầu rồi cất giấu trong vườn điều xen cà phê thuộc thôn 3, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, còn lại một ít ma túy T gói trong giấy bạc cất trong phòng ngủ với mục đích bán lại cho người nghiện và sử dụng cho bản thân.

Khoảng 17 giờ 00 ngày 27/4/2022, Nông Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số: 93P2-329.XX đến rẫy gặp T và hỏi mua 200.000 đồng ma túy thì T đồng ý và đưa cho Đ 01 đoạn ống hút nhựa chứa ma túy và lấy tiền. Sau đó, Đ cầm gói ma túy trên tay điều khiển xe mô tô đi về thì bị lực lượng Công an yêu cầu dừng xe kiểm tra, thu giữ gói ma túy vừa mua (M), đồng thời lúc này tổ công tác bắt giữ T và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và Đ, niêm phong tang vật (có chữ ký của T và Đ) để điều tra. Khám xét nơi ở của T phát hiện thu giữ 01 gói giấy bạc (M1) bên trong có chứa ma túy loại Heroin và 01 gói thuốc lá bên trong có chứa 09 đoạn ống nhựa được hàn kín một đầu.

Quá trình điều tra, T và Đ khai nhận ngoài lần bị bắt quả tang như trên thì vào sáng ngày 27/4/2022, Đ có đến gặp T và mua 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng. Ngoài ra, vào khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T bán 01 gói ma túy cho Doanh Đức L với số tiền 150.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 91/KL-KTHS ngày 06/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước, kết luận:

+ Chất màu trắng (kí hiệu M) có trong 01 đoạn ống hút nhựa được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng: 0,1895 gam.

+ Chất màu trắng (kí hiệu M1) có trong 01 gói giấy được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng: 0,0149 gam.

- Về vật chứng vụ án:

+ Số ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong; 01 điện thoại di động hiệu OPPO; 01 điện thoại di động hiệu Samsung và 400.000 đồng thu lợi từ việc bán ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã chuyển vào Kho bạc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để phục vụ công tác truy tố, xét xử.

+ 01 xe mô tô biển số: 93P2-329.XX, ngày 30/6/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu là bà Đinh Thị T.

+ Số tiền 4.290.000 đồng, thu giữ trên người của Nông Văn T không liên quan đến việc phạm tội, ngày 30/6/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho bị cáo T.

Tại Cáo trạng số 60/CT –VKS.BĐ ngày 28/7/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo Nông Văn T về Tội mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bị cáo Nông Văn Đ về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng chưa phù hợp với hình vi phạm tôi của các bị cáo. Vì vậy, Đại diện Viện kiểm sát thay đổi nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm Tội mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Nông Văn Đ phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về hình phạt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 05 đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn Đ từ 15 đến 18 tháng tù.

Vê hình phạt bổ sung: Không áp dụng

Bị cáo Nông Văn T và Nông Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T: Đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự chuyển khung hình phạt, xử bị cáo mức thấp nhất ở khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 26/4/2022, Nông Văn T mua 1.500.000 đồng ma túy, loại Heroin của một người dân tộc Mông (không rõ nhân thân, lý lịch) mang về nhà chia nhỏ thành nhiều phần cho vào 08 đoạn ống hút để bán lại cho người nghiện và sử dụng.

Ngày 27/4/2022, tại vườn điều xen cà phê của T thuộc Thôn A, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. T đã bán cho Nông Văn Đ 02 lần ma túy mỗi lần 200.000 đồng và bán cho Doanh Đức L 01 lần với giá 150.000 đồng.

Ngày 27/4/2022, Nông Văn Đ có hành vi mua 0,1895 gam ma túy, loại Heroin của T để sử dụng thì bị Công an huyện Bù Đăng phối hợp với Công an xã Đường 10 bắt quả tang người cùng tang vật.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nông Văn T đã phạm Tội mua bán trái phép chất ma túy; Hành vi của bị cáo Nông Văn Đ đã phạm vào Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác. Tuy nhiên, do muốn có tiền sử dụng ma túy bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Đối với bị cáo Nông Văn Đ đã có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuy, đã bị xử phạt hành chính, bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục mua ma túy về sử dụng. Thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nông Văn T và Nông Văn Đ đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, hai bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo Nông Văn Đ có con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, bị cáo Nông Văn T trong quá trình tham gia quân đội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tặng thưởng nhiều giấy khen "Chiến sỹ giỏi". Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác" quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Nông Văn T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát về việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Cần tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong;

Cần trả lại cho bị cáo Nông Văn Đ 01 điện thoại di động hiệu OPPO; trả lại cho bị cáo Nông Văn T 01 điện thoại di động hiệu Samsung, do không liên quan đến việc phạm tội.

Cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 550.000 đồng bị cáo T thu lợi từ việc bán ma túy.

Đối với 01 xe mô tô biển số: 93P2-329.XX, ngày 30/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu là bà Đinh Thị T.

Đối với số tiền 4.290.000 đồng, thu giữ trên người của Nông Văn T không liên quan đến việc phạm tội, ngày 30/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho bị cáo T.

Xe mô tô biển số 93P2-329.XX và số tiền 4.290.000 đồng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do hai bị cáo là người nghiện ma túy không có thu nhập ổn định nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về án phí: Buộc hai bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đối với người dân tộc Mông đã bán ma túy cho T không xác định được nhân thân, lý lịch, không có tài liệu, chứng cứ khác, CSĐT - Công an huyện Bù Đăng tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau.

- Đối với bà Đinh Thị T cho Đ mượn xe mô tô, nhưng không biết Đ sử dụng xe vào việc đi mua ma túy của T, nên không có căn cứ xử lý.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T: Đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đề nghị chuyển khung hình phạt, xử bị cáo thập nhất ở khoản 1 Điều 251, là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiển sát: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng trả hồ sơ điều tra bổ sung. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù đăng tiến hành các thủ tục tố tụng gồm: Lấy lời khai người làm chứng, lập biên bản hỏi cung bị cáo và biên bản đối chất. Tuy nhiên, Viện kiểm sát không thay đổi cáo trạng theo đúng sự thật khách quan của vụ án mà ban hành công văn số 256/CV-VKS ngày 08/9/2022 về việc giữ nguyên quan điểm truy tố. Việc sau khi tiến hành lại một số thủ tục tố tụng, xác định được sự thật khách quan của vụ án khác với nội dung cáo trạng đã ban hành mà không thay đổi Cáo trạng là không đúng theo trình tự thủ tục tố tụng. Tại phiên Tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị thay đổi là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm Tội mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Nông Văn Đ phạm vào Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 251, điểm s, v khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 05 năm tù (năm năm tù). Thời hạn tù tình từ ngày 27/4/2022.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 01 năm, 06 tháng tù (một năm, sáu tháng tù). Thời hạn tù tình từ ngày 27/4/2022.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong đựng trong 01 phong bì niêm phong số 91M của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước.

Tuyên trả lại cho bị cáo Nông Văn Đ 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh tím; trả lại cho bị cáo Nông Văn T 01 điện thoại di động hiệu Samsung bể màn hình.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 0009946 ngày 07/7/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng)

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 550.000 đồng (theo giấy nộp tiền ngày 06/7/2022 và biên lai thu tiền số 0000179)

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nông Văn T và Nông Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh